TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2017/DS-PT
Ngày: 31-8-2017
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24/8/2017 và 31/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2013/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2013 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2013/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158/2017/QĐPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Đặng Thị Đ, sinh năm 1955;

Cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn N, sinh năm 1977;

Cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn là: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1957. Cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo giấy ủy quyền ngày 14/01/2013), (Bà T có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Văn X, sinh năm 1955 (Chồng bà Đ);

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (Con bà Đ);

3. Nguyễn Thị K, sinh năm 1986 (Con bà Đ);

4. Nguyễn Thị Mai G, sinh năm 1988 (Con bà Đ);

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông X, anh T, chị K và chị G là: Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1955 (Theo giấy ủy quyền ngày 02/5/2013);

Cùng cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Lê Thị Đ, sinh năm 1980 (Vợ anh N);

Cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đ là: bà Hồ Thị T, sinh năm 1957, cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo giấy ủy quyền ngày 14/01/2013).

6. Hồ Thị T, sinh năm 1957 (Mẹ anh N);

Cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T là: Ông Phan Công H, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo giấy ủy quyền ngày 30/11/2015), (Ông H có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Đặng Thị Đ là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đặng Thị Đ, đồng thời cũng là người đại diện của ông Nguyễn Văn X, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Mai G và chị Nguyễn Thị K trình bày:

Vào ngày 01/6/1999, bà Đặng Thị Đ và Nông trường Giồng G có Hợp đồng giao nhận đất thổ cư. Theo đó, Nông trường giao đất cho bà Đ có chiều

ngang 20, chiều dài 130m, diện tích 2.600m^2. Sau đó, bà Đ đi đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Đặng Thị Đ đứng tên. Đến năm 2008, bà phát hiện anh N lấn ranh đất của bà tại một phần thửa số 34, điện tích 22,5m^2 và một phần thửa số 35, diện tích 22,3m^2, tờ bản đồ số 11, tổng diện tích 02 thửa là 44,8m^2. Đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đặng Thị Đ yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải trả cho bà ranh giới quyền sử dụng đất tại một phần thửa số 34, diện tích 22,5m^2 và một phần thửa số 35, diện tích 22,3m^2, tờ bản đồ số 11, tổng diện tích 02 thửa là 44,8m^2.

Tài liệu, chứng cứ bà Đ cung cấp gồm: Hồ sơ hòa giải tại UBND xã X, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản pho to.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Đ do bà Hồ Thị T đại diện trình bày:

Bà T không thống nhất lời trình bày của bà Đặng Thị Đ, vì nguồn gốc đất của anh Nguyễn Văn N trước đây vào năm 1995, bà nhận chuyển nhượng đất của ông Xà N diện tích hơn 3.000m^2, sau đó gia đình ông Xà N đã bỏ địa phương đi đâu không biết. Đến ngày 01/6/1999 Nông trường Giồng G làm Hợp đồng giao nhận đất thổ cư cho anh N đã quản lý, sử dụng diện tích đất này cho đến nay, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, bà cất nhà ở một phần, số đất còn lại Nguyễn Văn N sử dụng. Phần đất anh N sử dụng phía bắc giáp với đất ông Nguyễn Văn X (chồng bà Đ). Ông X tự ý căng dây, đắp bờ ranh giữa đất của anh Ngọc và ông X. Sau đó, bà có trồng một số cây tạp như Gòn, Me tây... và trụ đá để làm ranh với nhau. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Đ.

Tài liệu, chứng cứ bà Hồ Thị T cung cấp gồm: Một hợp đồng giao nhận đất thổ cư; 04 người làm chứng tên là Nguyễn Văn G (tên gọi khác: Tư G), Nguyễn Ngọc Đ (tên gọi khác: Tám N), Trần Văn P và Trần Văn V (tên gọi khác: Ba C).

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số: 20/2013/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Toà án nhân dân huyện T đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Thị Đ.

Ranh đất giữa đất của hộ bà Đặng Thị Đ (thửa số 34 và 35, tờ bản đồ số

11) với đất của anh Nguyễn Văn N được xác định như sau:

+ Phía giáp ranh đất ông T (kênh Phú Đ): từ hướng bắc đo thẳng về hướng nam (giáp ranh đất anh Ng), dài 20m xác định điểm F1;

+ Phía giáp ranh đất anh N (kênh Phú Đ): từ hướng đông đo thẳng về hướng tây (giáp hành lang lộ giới), dài 18,36m xác định điểm E1;

+ Phía giáp hành lang lộ giới: từ hướng bắc (giáp ranh đất Nu A) đo thẳng về hướng nam (giáp ranh đất anh N), dài 20m xác định điểm B1;

+ Phía giáp hành lang lộ giới: từ hướng đông (giáp ranh đất anh N) đo thẳng về hướng tây (giáp đất lúa), dài 19,32m xác định điểm A1;

Từ điểm A1 kéo đến điểm B1; từ điểm E1 kéo đến điểm F1 là ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà Đặng Thị Đ với anh Nguyễn Văn N (theo biên bản và sơ đồ đo đạc ngày 02/5/2013).

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 123m^2 thuộc một phần thửa số: 34, tờ bản đồ số: 11, mục đích sử dụng: đất cây lâu năm do hộ bà Đặng Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/12/2006 (do không cỏ đất thực tế theo như biên bản và sơ đồ đo đạc ngày 02/5/2013 kèm theo).

Anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm di dời, di chuyển bằng mọi biện pháp (bứng, chặt, đốn...) các loại cây trồng của mình cũng như các chướng ngại vật trên ranh đất để trả lại ranh đất cho hộ bà Đặng Thị Đ sử dụng đúng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất liền kề của người khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, thời hạn, quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bà Đặng Thị Đ là nguyên đơn trong vụ án làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 20/2013/DS-ST ngày 27/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện T. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết: Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 123m^2 thuộc

một phần thửa số 34, tờ bản đồ số 11, mục đích sử dụng đất cây lâu năm, tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Và ranh đất giữa hộ bà Đặng Thị Đ và ông Nguyễn Văn N tại thửa 34 và 35:

- Phía giáp ông Tr (kênh Phú Đ) từ hướng bắc đo thẳng về hướng nam (giáp ranh đất anh N) chiều ngang 22m, xác định điểm F1.

- Phía giáp ranh đất anh N, từ hướng đông đo thẳng về hướng tây, chiều dài 18,36m, xác định điểm E1.

- Phía giáp hành lang lộ giới từ hướng bắc (giáp ranh đất N) đo thẳng về hướng nam (giáp ranh đất anh N) chiều ngang 22m, xác định điểm B1.

- Phía giáp hành lang lộ giới, từ hướng đông (giáp ranh đất anh N) đo thẳng về hướng tây (giáp đất lúa) dài 19,32m, xác định điểm A1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đặng Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đất của hộ bà Đặng Thị Đ và anh Nguyễn Văn N có nguồn gốc của Nông Trường Giồng G (nay là Đoàn kinh tế quốc phòng A) giao nhận khoán đất thổ cư cho bà Đặng Thị Đ và anh Nguyễn Văn N ngày 01/6/1999, sơ đồ thửa đất có ghi: chiều dài 130 mét, chiều rộng 20 mét, diện tích 2.600m^2, vùng đất này là vùng Nông trường quy hoạch như nhau.

[2] Hộ bà Đặng Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện

tích 820m^2 thuộc các thửa số 34, 35, tờ bản đồ số 11 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/12/2006, nhưng UBND huyện T không căn cứ vào hợp đồng giao nhận đất thổ cư số: 183/GNĐ ngày 01/6/1999 giữa Nông trường Giồng G với bà Đặng Thị Đ, mà căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Đ. Theo đó, thửa 34 có chiều ngang cạnh giáp kênh Phú Đ dài 20,84m, chiều ngang cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa) dài 20,85m, diện tích 484,4m^2; thửa 35 có chiều ngang cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa) dài 20,85m, chiều ngang cạnh giáp thửa 38 dài 21,03m, diện tích 336m^2.

[3] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, thửa đất số 34, 35 và 38 của hộ bà Đở cho thấy diện tích đất của hộ bà (chưa tính phần diện tích tranh chấp 153,3m^2) là 2.544,4m^2, thiếu 99,6m^2 so với giấy chứng nhận được Ủy ban cấp và thiếu 55,6m^2 so với giấy Nông trường cấp. Trong khi đó, diện tích thửa 36, 39 và 41 của bên anh N (chưa tính phần diện tích tranh chấp 153,3m^2) là 2.691,5m^2 thừa 91,5m^2 so với giấy Nông trường cấp. Do đó, việc bà Đ cho rằng bên anh N lấn ranh đất của bà là có cơ sở.

Tuy nhiên, việc bà Đ yêu cầu anh N trả lại chiều ngang cho bà đủ 23,14m theo trích đo bản đồ ngày 16/11/2006 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T là không có cơ sở. Bởi vì, Ủy ban nhân dân huyện T không căn cứ vào số liệu này để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của bà mà căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật để cấp. Hơn nữa, tại trích đo bản đồ ngày 16/11/2006 chỉ thể hiện số đo cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa) của thửa số 34 là 23,14m. Các cạnh còn lại của thửa 34, 35 và 38 không thể hiện số liệu cụ thể là bao nhiêu mét.

Xét việc bà Đ yêu cầu giải quyết cho bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Bởi vì, khi đo đạc Cơ quan Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp đo vẽ đã căn cứ vào thực tế sử dụng đất của các đương sự để đo đạc. Trên cơ sở đó UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của bà. Căn cứ vào Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập vào năm 2006 của Cơ quan Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp thì đất của hộ bà Đ thửa số 34 cạnh giáp kênh Phú Đ có chiều dài là 20,84m, cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa) có chiều dài là 20,85m; thửa số 35 cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa) có chiều dài 20,85m, cạnh giáp thửa 38 có chiều dài là 21,03m. Trong khi đó, căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2016 thì đất của hộ

bà Đ thửa số 34 cạnh giáp kênh Phú Đ có chiều dài là 20,09m (thiếu 20,84m – 20,09m = 0,75m), cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa) có chiều dài là 19,91m (thiếu 20,85m – 19,91m = 0,94m); thửa số 35 cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa) có chiều dài 19,82m (thiếu 20,85m – 19,82m = 1,3m), cạnh giáp thửa 38 có chiều dài là 19,88m (thiếu 21,03m – 19,88m = 1,15m). Đối với đất của bên anh N, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2016 thì thửa đất số 36 cạnh giáp kênh Phú Đ có chiều dài là 21,73m (chưa tính chiều dài đất tranh chấp 3,46m), cạnh đường kênh Phú Đ (nhựa) có chiều dài là 20,67m (chưa tính chiều dài đất tranh chấp 3,02m); thửa số 39 cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa) có chiều dài 20,57m (chưa tính chiều dài đất tranh chấp 2,73m), cạnh giáp thửa 41 của bên anh N có chiều dài là 21,72m (chưa tính chiều dài đất tranh chấp 1,29m). Như vậy, đất của bên anh N chiều ngang thừa nhiều hơn so với đất của hộ bà Đ nên yêu cầu của bà Đ là có cơ sở.

[5] Đối với ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 38 của hộ bà Đ và thửa 41 bên anh N do các đương sự không có yêu cầu giải quyết ở cấp sơ thẩm và cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Đặng Thị Đ là có căn cứ một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 105 của Luật đất đai năm 2003 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 32a của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011; khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đặng Thị Đ.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2013/DS-ST ngày

27/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Thị Đ.

- Ranh giới quyền sử dụng đất của hộ bà Đặng Thị Đ với đất của bên anh Nguyễn Văn N được xác định như sau:

+ Cạnh giáp kênh Phú Đ: Từ mốc M1 đo thẳng qua mốc M2 một đoạn 20,84m xác lập mốc mới M3A (Từ mốc M1 đến mốc M3A là 20,84m).

+ Cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa): Từ mốc M9 đo thẳng qua mốc M8 một đoạn 20,85m xác lập mốc mới M8A (Từ mốc M9 đến mốc M8A là 20,85m).

+ Cạnh giáp đường kênh Phú Đ (nhựa): Từ mốc M10 đo thẳng qua mốc M11 một đoạn 20,85m xác lập mốc mới M11A (Từ mốc M10 đến mốc M11A là 20,85m).

+ Cạnh giáp thửa số 38: Từ mốc M18 đo thẳng qua mốc M19 một đoạn 21,03m xác lập mốc mới M19A (Từ mốc M18 đến mốc M19A là 21,03m).

Các đoạn thẳng nối liền các mốc từ M3A đến M8A, từ M11A đến M19A là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 34 và 35 của hộ bà Đặng Thị Đ với thửa 36 và 39 của bên anh Nguyễn Văn N.

- Anh Nguyễn Văn N, chị Lê Thị Đ và bà Hồ Thị Th có nghĩa vụ di dời các loại cây trồng của mình cũng như các tài sản khác (nếu có) ra khỏi phạm vi quyền sử dụng đất của hộ bà Đ.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2016).

Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Các đương sự có nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất cho đúng với vị trí và diện tích đất mà mình được sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đặng Thị Đ phải chịu 200.000 đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 100.000 đồng theo biên lai số 006638 ngày 09/01/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đặng Thị Đ còn phải nộp 100.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị Đ được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 13871 ngày 09/10/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (ở giai đoạn phúc thẩm):

+ Bà Đặng Thị Đ phải chịu 4.179.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn N phải chịu 2.089.000 đồng, do bà Đặng Thị Đ đã tạm ứng trước nên anh N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Đ 2.089.500 đồng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TA Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sỹ Danh Đạt